

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1056/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý của ngành Xây dựng áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong việc rà soát quy định, thủ tục hành chính và cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 307/SXD-VP ngày 13/03/2015; của Sở Tư pháp tại văn bản số 188/STP-KSTT ngày 10/02/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 (một) thủ tục hành chính được bổ sung, 18 (mười tám) thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc các lĩnh vực quản lý của ngành Xây dựng áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

(Có danh mục các thủ tục hành chính và nội dung cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 về việc công bố thủ tục hành chính ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Xây dựng áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
  - Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
  - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
  - Lưu: VT, XD<sub>2</sub>.
- Gửi văn bản giấy (24 bản) và điện tử.

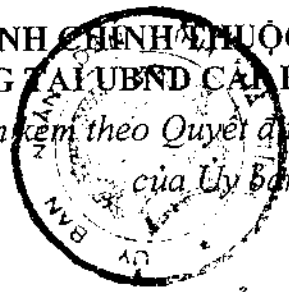


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
HỒ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA NGÀNH  
XÂY DỰNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1056 /QĐ-UBND ngày 30/03/2015  
của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành:**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực Viễn thông</b>	
1	Cấp giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 2

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi:**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
<b>I. Lĩnh vực Xây dựng</b>			
1	T-HTI-244477-TT	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012. Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
2	T-HTI-244484-TT	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012. Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
3	T-HTI-244485-TT	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014. Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
4	T-HTI-244493-TT	Điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012. Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
5	T-HTI-244494-TT	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
6	T-HTI-244495-TT	Cấp lại giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
7	T-HTI-244496-TT	Cấp giấy phép xây dựng tạm công trình, nhà ở riêng lẻ	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012. Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
8	T-HTI-244497-TT	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014. Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012. Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
9	T-HTI-262640-TT	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
10	T-HTI-262652-TT	Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
11	T-HTI-262656-TT	Cấp giấy phép đào đường đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 và Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
12	T-HTI-262660-TT	Gia hạn giấy phép đào đường đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 và Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
<b>II. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng</b>			
1	T-HTI-244501-TT	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
2	T-HTI-244511-TT	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
3	T-HTI-244513-TT	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch điểm dân cư nông thôn	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ.
4	T-HTI-244516-TT	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch điểm dân cư nông thôn, khu dân cư đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ. Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
5	T-HTI-244521-TT	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu dân cư đô thị	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ. Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
6	T-HTI-244526-TT	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án	Luật Xây dựng ngày 18/6/2014

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

### A. NỘI DUNG CỤ THỂ TTHC ĐƯỢC BỔ SUNG

#### 1. Lĩnh vực Viễn thông.

##### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra danh mục hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ trực tiếp hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm giấy biên nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

Trường hợp đến nhận thay thì phải có giấy ủy quyền (có xác nhận của cơ quan hoặc UBND cấp xã) và giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn xin giấy phép xây dựng theo mẫu tại phụ lục số 02 của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11/7/2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm, thu phát sóng thông tin di động ở các khu đô thị.

- Hợp đồng thuê đất vị trí trạm với chủ công trình;

- Bản vẽ sơ đồ vị trí công trình, bản vẽ các mặt đứng điển hình của trạm và cột ăng ten lắp đặt vào công trình.

- Văn bản kiểm định về an toàn chịu lực của công trình khi được lắp đặt trạm BTS.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng: 130.000 đồng/giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Đơn xin cấp giấy phép xây dựng trạm BTS - Phụ lục 1

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có

Khu vực đặt trạm BTS loại 2 phải thực hiện thủ tục cấp phép, gồm:

- Các khu vực an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Các thị trấn, trung tâm huyện; các phường, xã thuộc thành phố, thị xã; các điểm dân cư, khu đô thị đã có quy hoạch xây dựng được duyệt.

- Khu kinh tế Vũng Áng; Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo; các khu vực khác như: khu đô thị, khu du lịch, khu di tích, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Dọc theo các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, trong phạm vi 100m tính từ tim đường ra hai bên.

- Ngoài các khu vực trên, căn cứ tình hình thực tế và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Quy hoạch các ngành,... sẽ tiếp tục bổ sung các khu vực khác (nếu có).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng.

- Thông tư Liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin truyền thông hướng dẫn về cấp phép xây dựng đối với công trình trạm thu phát sóng thông tin di động ở đô thị;

- Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định về quản lý, cấp phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông di động (trạm BTS) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.



**Phụ lục 1**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Sử dụng cho công trình trạm và cột ăng ten xây dựng trên mặt đất-BTS loại 2)*

Kính gửi:.....

**1. Tên chủ đầu tư :**.....

- Người đại diện :....., Chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ : Số nhà....., Đường.....

- Phường (xã) ....., Tỉnh, thành phố: .....

- Điện thoại số :.....

**2. Địa điểm lắp đặt :**.....

- Công trình được lắp đặt:.....

- Chiều cao công trình:.....m

- Kết cấu nhà (nhà khung hay nhà xây):.....

- Thuộc sở hữu của:.....

- Tại:....., Đường:.....

- Phường (xã):....., Quận (huyện): .....

- Tỉnh, thành phố:.....

- Giấy tờ quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công trình:.....

- Hợp đồng thuê địa điểm:.....

**3. Nội dung xin phép:**

- Loại trạm BTS:.....

- Diện tích mặt sàn:..... m<sup>2</sup>.

- Chiều cao cột ăng ten: .....m.

- Loại cột ăng ten:.....

- Theo thiết kế:.....

**4. Đơn vị hoặc người thiết kế.**

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....

**5. Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có):**.....

- Địa chỉ : ....., Điện thoại :.....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):....., cấp ngày.....

**6. Phương án phá dỡ, di dời ( nếu có ):**.....

**7. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:**..... tháng

**8. Cam kết:** Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật

....., Ngày tháng năm 20...

**Người làm đơn**  
(ký ghi rõ họ tên)

## **B. NỘI DUNG CỤ THỂ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI**

### **I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

#### **1. Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến**

##### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế xây dựng gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến dự án, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

- Tùy thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

+ Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

+ Quyết định phê duyệt dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.
6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 130.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục):

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (đính kèm theo thủ tục);
- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

**a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1:** Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

**b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2:** Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

**c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3.** Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

**d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4:** Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**đ) Yêu cầu hoặc điều kiện 5:** Đối với công trình xây dựng ngoài đô thị, không theo tuyến: Phải phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho công trình không theo tuyến**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD*

*ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Sử dụng cho công trình không theo tuyến)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....
- Chứng chỉ hành nghề số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

**Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế: .....
- 1.1. Tên: .....
- 1.2. Địa chỉ: .....
- 1.3. Số điện thoại: .....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: .....
2. Kinh nghiệm thiết kế: .....
- 2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
  - a) .....
  - b) .....
  - c) .....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế: .....
- a) Số lượng: .....
- Trong đó: .....
- KTS: .....
- KS các loại: .....
- b) Chủ nhiệm thiết kế:
  - Họ và tên: .....
  - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ): .....
  - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ): .....
- c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
  - Họ và tên: .....
  - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ): .....
  - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ): .....

....., Ngày ..... tháng .... năm ....  
Đại diện đơn vị thiết kế

## 2. Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế xây dựng gồm:

+ Sơ đồ vị trí, hướng tuyến công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ tuyến công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm:

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình.

- Tùy thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

+ Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

+ Quyết định phê duyệt dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.
6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
8. Lệ phí:  
Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 130.000 đồng/giấy phép.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục):
  - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình theo tuyến trong đô thị (đính kèm theo thủ tục);
  - Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
  - Phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư, Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
  - Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.
  - Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.
11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
  - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
  - Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;
  - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.
  - Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.
  - Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;



- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho công trình theo tuyến  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
(Sử dụng cho công trình theo tuyến)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư: .....
  - Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
  - Địa chỉ liên hệ: .....
  - Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
  - Tỉnh, thành phố: .....
  - Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
  - Tuyến công trình:.....m.
  - Đi qua các địa điểm: .....
  - Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
  - Tỉnh, thành phố: .....
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
  - Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
  - Tổng chiều dài công trình:.....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
  - Cốt của công trình: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
  - Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
  - Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....
  - Chứng chỉ hành nghề số: .....do ..... Cấp ngày: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: .....
  - Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD*  
*ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)*  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Số điện thoại:

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:

2. Kinh nghiệm thiết kế:

2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a)

b)

c)

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng:

Trong đó:

- KTS:

- KS các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện đơn vị thiết kế**

### 3. Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

#### 2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ ở đô thị theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế xây dựng gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

##### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### 8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 60.000 đồng/giấy phép.

#### 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục):

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (trường hợp phải có đơn vị thiết kế).

#### 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

- Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250 m<sup>2</sup>, dưới 3 tầng và không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì chủ đầu tư được tự tổ chức thiết kế xây dựng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận.

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

#### 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG NHÀ Ở**  
(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ đô thị)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ hộ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
- Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế (nếu có): .....
- Chứng chỉ hành nghề số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số (nếu có): ..... cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Số điện thoại:

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:

2. Kinh nghiệm thiết kế:

2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a)

b)

c)

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng:

Trong đó:

- KTS:

- KS các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày ..... tháng .... năm

....

**Đại diện đơn vị thiết kế**

#### 4. Điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị

##### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ **Đối với công trình:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Các bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 -1/200;

+ **Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Bản vẽ thiết kế xây dựng gồm: Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 -1/200.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị: Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nội dung giấy phép xây dựng điều chỉnh được ghi trực tiếp vào giấy phép xây dựng đã cấp hoặc ghi thành Phụ lục riêng và là bộ phận không tách rời với giấy phép xây dựng đã được cấp.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/giấy phép



9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục):

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình (đính kèm theo thủ tục);

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng sử dụng cho nhà ở riêng lẻ tại đô thị (đính kèm theo thủ tục);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng  
Mẫu 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG  
(Sử dụng cho công trình)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư: .....
  - Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
  - Địa chỉ liên hệ: .....
  - Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
  - Tỉnh, thành phố: .....
  - Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
  - Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
  - Tại: ..... Đường: .....
  - Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
  - Tỉnh, thành phố: .....
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)  
Nội dung Giấy phép :  
-  
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp:  
-  
-
5. Đơn vị hoặc người thiết kế điều chỉnh: .....
  - Chứng chỉ hành nghề số: ..... Cấp ngày: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: .....
  - Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....
  - Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: ..... tháng.
7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Mẫu 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ đô thị)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ hộ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp (số, ngày, cơ quan cấp):  
.....
- Nội dung giấy phép:  
-  
-
4. Nội dung giấy phép đề nghị điều chỉnh:  
-  
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế điều chỉnh (nếu có):  
.....
- Chứng chỉ hành nghề số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số (nếu có): ..... cấp ngày .....
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: .....  
tháng
7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin  
hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

## 5. Gia hạn giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do chưa khởi công xây dựng;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, các nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được gia hạn không quá 6 tháng.

8. Lệ phí:

Lệ phí gia hạn Giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn một lần. Thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư chưa khởi công xây dựng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## **6. Cấp lại giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại;

- Bản chính Giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng cấp lại.

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng chỉ cấp lại đối với các trường hợp bị rách, nát, hoặc bị mất.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## 7. Cấp giấy phép xây dựng tạm công trình, nhà ở riêng lẻ

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

#### \* Đối với công trình:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế xây dựng gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến dự án, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

#### \* Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;



+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

**\* Đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm theo mẫu;
- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc giấy tờ về quyền quản lý, sử dụng công trình;
- Các bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình được cải tạo có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10x15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo;
- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, công trình hạ tầng kỹ thuật thì phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị: Không quá 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối với cải tạo, sửa chữa: Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng tạm kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Lệ phí: Không,

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục):

- Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm sử dụng cho công trình;
- Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm sử dụng cho nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
- Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm sử dụng cho trường hợp sửa chữa, cải tạo.

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

- Đảm bảo an toàn cho công trình, công trình lân cận và các yêu cầu về: Môi trường, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250 m<sup>2</sup>, dưới 3 tầng và không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì chủ đầu tư được tự tổ chức thiết kế xây dựng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận.

- Phù hợp với quy mô công trình và thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

- Chủ đầu tư phải có cam kết tự phá dỡ công trình khi thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng tạm hết hạn và không yêu cầu bồi thường đối với phần công trình phát sinh sau khi quy hoạch được công bố. Trường hợp không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tạm**  
(Mẫu 1)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TẠM**  
(Sử dụng cho công trình)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
- Lô đất số:..... Diện tích .....m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: .....m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....
- Chứng chỉ hành nghề số: .....do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): .....cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TẠM**  
(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ đô thị)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ hộ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
- Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế (nếu có): .....
- Chứng chỉ hành nghề số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số (nếu có): ..... cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Mẫu 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TẠM**

**Cải tạo/sửa chữa .....**

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Hiện trạng công trình: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....
- Chứng chỉ hành nghề số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 - ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

2 - **Người làm đơn**

(Ký ghi rõ họ tên)

**Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2012  
của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:
  - 1.1. Tên:
  - 1.2. Địa chỉ:
  - 1.3. Số điện thoại:
  - 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
  - 2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
    - a)
    - b)
    - c)
  - 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
    - a) Số lượng:  
Trong đó:
      - KTS:
      - KS các loại:
    - b) Chủ nhiệm thiết kế:
      - Họ và tên:
      - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
      - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
    - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
      - Họ và tên:
      - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
      - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày ..... tháng .... năm

....

Đại diện đơn vị thiết kế

## **8. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc bản phô tô để đối chiếu với bản gốc một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc giấy tờ về quyền quản lý, sử dụng công trình;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế xây dựng gồm:

- Các bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình được cải tạo có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10x15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo;

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, công trình hạ tầng kỹ thuật thì phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

\* Tùy thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

+ Quyết định phê duyệt dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng:

+ Đối với công trình: 130.000 đồng/giấy phép;

+ Đối với nhà ở riêng lẻ: 60.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục):

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở (đính kèm theo thủ tục);

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.



Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho sửa chữa, cải tạo  
(Ban hành kèm theo Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

**Cải tạo/sửa chữa .....**

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Hiện trạng công trình: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
3. Nội dung đề nghị cấp phép: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1: ..... m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....
- Chứng chỉ hành nghề số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 - ..... ngày ..... tháng ..... năm

.....

2 -

**Người làm đơn**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD  
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:
  - 1.1. Tên:
  - 1.2. Địa chỉ:
  - 1.3. Số điện thoại:
  - 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
  - 2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
    - a)
    - b)
    - c)
  - 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
    - a) Số lượng:  
Trong đó:
      - KTS:
      - KS các loại:
    - b) Chủ nhiệm thiết kế:
      - Họ và tên:
      - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
      - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
    - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
      - Họ và tên:
      - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
      - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

..... .. Ngày ..... tháng .... năm

....

**Đại diện đơn vị thiết kế**

## 9. Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tạm thời của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng một phần vỉa hè, lòng đường;

- Bản vẽ vị trí mặt bằng đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường. Bản vẽ phải thể hiện rõ vị trí sử dụng, kích thước sử dụng;

- Trường hợp thi công xây dựng, sửa chữa công trình thì yêu cầu phải có bản sao giấy phép xây dựng hoặc sửa chữa do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Trường hợp tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội, tuyên truyền sử dụng lòng đường, vỉa hè thì phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Cơ quan cấp phép hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) *Yêu cầu hoặc điều kiện 1:* Khu vực vỉa hè được cấp phép sử dụng tạm thời phải đảm bảo không chắn ngang lối ra vào đường hẻm; không nằm trước mặt tiền của các công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế, tôn giáo, cơ quan ngoại giao, công sở... Việc sử dụng vỉa hè phải đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường, không làm hư hỏng kết cấu lòng đường, vỉa hè, tạo lối đi thông thoáng

cho người đi bộ và không ảnh hưởng đến tầm nhìn của người sử dụng các phương tiện giao thông.

b) *Yêu cầu hoặc điều kiện 2*: Bề rộng tối thiểu còn lại của vỉa hè ít nhất là 1,5m cho người đi bộ lưu thông.

c) *Yêu cầu hoặc điều kiện 3*: Đối với từng trường hợp riêng biệt sau cần đảm bảo:

- Trường hợp sử dụng làm nơi để xe, giữ xe có thu phí: Phù hợp với quy hoạch bãi đỗ xe được phê duyệt; Không thuộc tuyến đường quốc lộ đi qua đô thị; Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ cho một chiều đi.

- Trường hợp đào lòng đường để sửa chữa các công trình ngầm: Phạm vi thi công phải đảm bảo mặt đường còn lại đủ bố trí 2 làn xe theo 2 chiều khác nhau (đường 2 chiều) hoặc 1 làn xe (đường 1 chiều). Trong trường hợp không đảm bảo, đơn vị thi công phải có biển báo hướng dẫn lộ trình thay thế đường đi qua khu vực có công trường thi công.

- Trường hợp sử dụng làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị và sử dụng làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình chỉ cho phép thực hiện từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau, sau đó phải trả lại nguyên trạng vỉa hè, lòng đường.

- Trường hợp tổ chức tiệc cưới, tang lễ: Hộ gia đình, cá nhân thông báo với UBND cấp xã nơi cư trú (không phải cấp phép), thời gian sử dụng không quá 48 giờ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ;

- Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

- Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP

ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## 10. Gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường của tổ chức, cá nhân trong đó giải trình rõ lý do đề nghị gia hạn.

- Bản gốc Giấy phép đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn một lần, trừ các trường hợp: Phục vụ hoạt động xã hội và tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hoạt động trồng, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; tổ chức tiệc cưới, tang lễ. Thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ;

- Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

- Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## **11. Cấp giấy phép đào đường đô thị**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đào đường đô thị;

- Các bản vẽ thiết kế thể hiện mặt bằng, mặt cắt ngang đường thể hiện rõ vị trí các công trình ngầm hiện có; vị trí đào, kích thước và phạm vi đào, kết cấu hiện hữu;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp tổ chức thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Trường hợp đường đô thị trùng với tỉnh lộ, quốc lộ thì phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

- Trường hợp các công trình đào hè, lòng đường cản hạn chế giao thông phải có phương án phân luồng giao thông. Phương án phân luồng giao thông phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở quản lý chuyên ngành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Cơ quan cấp phép hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 130.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:



Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phải đảm bảo trật tự đô thị, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và các nội dung ghi trong giấy phép; Không ảnh hưởng đến việc đi lại của người và phương tiện tham gia giao thông.

Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Đối với trường hợp thi công cần hạn chế giao thông thì phải có phương án phân luồng giao thông và có ý kiến thống nhất của Sở quản lý chuyên ngành. Trường hợp thi công trên đường đô thị trùng với đường quốc lộ, tỉnh lộ thì phải có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ;
- Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;
- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Quyết định 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;
- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## 12. Gia hạn giấy phép đào đường đô thị

### 1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ chuyên môn tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Trường hợp đến nhận thay thì phải có giấy ủy quyền (có xác nhận của cơ quan hoặc UBND cấp xã) và giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép đào đường đô thị của tổ chức, cá nhân trong đó giải trình rõ lý do gia hạn;

- Bản gốc Giấy phép đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm ngay sau thủ tục): Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn một lần. Thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ;

- Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Quyết định 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

### 1. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định;

- Thuyết minh tổng hợp kèm theo các bản vẽ thu nhỏ khổ A3, các phụ lục tính toán, hướng dẫn thiết kế và minh họa.

Bản vẽ của đồ án quy hoạch được thể hiện trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất có tỷ lệ từ 1/5.000 đến 1/10.000, riêng đối với các xã có diện tích từ 20.000 ha trở lên thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000, bao gồm:

- Bản vẽ hiện trạng tổng hợp

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Bản vẽ định hướng quy hoạch phát triển không gian xã nông thôn mới tỷ lệ

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất; Bản vẽ quy hoạch nông nghiệp; bản vẽ quy hoạch xây dựng

- Bản vẽ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với các khu trung tâm, khu dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/2.000. Cần thể hiện rõ: Hệ thống giao thông nội khu (đến lô 1 ha trở lên); Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước sản xuất và thoát nước thải; Khu vực xử lý môi trường.

- Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch và dự thảo quyết định phê duyệt đồ án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ, 01 bản vẽ thu nhỏ in màu; sau khi có kết quả thẩm định Chủ đầu tư phải nộp thêm tối thiểu 07 bộ (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm định) để đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định không quá 07 ngày, thời gian phê duyệt không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định đồ án quy hoạch; quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

8. Lệ phí: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng:

Đơn vị tính tỷ lệ %

TT	Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
2	Thẩm định đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	11,2	8,8	7,6	6,8	4,8	3,4	2,8	2,4

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 20/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BNTMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

- Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

## **2. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.**

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình xin thẩm định;

- Đề cương thuyết minh: Tên đồ án; Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch; Mục tiêu yêu cầu về nội dung nghiên cứu của đồ án; Dự báo quy mô dân số, đất đai, quy mô xây dựng; Nhu cầu tổ chức không gian (sản xuất, sinh sống, trung tâm; phát triển mới và cải tạo chỉnh trang thôn, bản); Yêu cầu phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu; Hồ sơ sản phẩm của đồ án; Kinh phí; Tiến độ, trách nhiệm thực hiện đồ án:

- Bản vẽ sơ đồ vị trí, ranh giới, quy mô và mối quan hệ liên vùng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ; sau khi có kết quả thẩm định Chủ đầu tư phải nộp thêm tối thiểu 07 bộ (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm định) để đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định không quá 07 ngày, thời gian phê duyệt không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định đồ án quy hoạch; quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

8. Lệ phí: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng:

Đơn vị tính tỷ lệ %

Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch. Trong đó Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch được xác định theo bảng sau:								
<i>Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)</i>	$\leq 0$	50	70	1000	2000	5000	7000	$\geq 10000$
<i>Danh mục công việc</i>	0	0	0					
<i>Lập nhiệm vụ quy hoạch</i>	12,8	9,6	8,0	7,2	5,2	3,6	2,9	2,6
Lưu ý: Trường hợp quy mô của đồ án quy hoạch nằm trong khoảng giữa hai quy mô công bố tại bảng nêu trên thì sử dụng phương pháp nội suy để xác định định mức chi phí.								

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 20/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BNTMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

- Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD;

- Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

### 3. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định;

- Thuyết minh tổng hợp;

- Bản vẽ hiện trạng tỷ lệ 1/500 - 1/2.000;

- Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/2000;

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất 1/500 - 1/2000;

- Bản đồ quy hoạch mạng lưới điểm dân cư, hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

- Bản đồ tổng không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500 - 1/2000;

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ, 01 bản vẽ thu nhỏ in màu; sau khi có kết quả thẩm định Chủ đầu tư phải nộp thêm tối thiểu 07 bộ (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm định) để đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

#### 4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định không quá 07 ngày, thời gian phê duyệt không quá 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định đồ án quy hoạch; quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

8. Lệ phí: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng:



Đơn vị tính tỷ lệ %

TT	Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
2	Thẩm định đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	11,2	8,8	7,6	6,8	4,8	3,4	2,8	2,4

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 20/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
  - Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
  - Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD;
  - Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.
  - Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

#### 4. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch điểm dân cư nông thôn, khu dân cư đô thị.

##### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

##### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

###### a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình xin thẩm định;

- Đề cương thuyết minh báo cáo quy mô dân số, tổ chức không gian các cơ sở công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, điểm dân cư, khai thác tài nguyên thiên nhiên, tác động môi trường;

- Bản vẽ sơ đồ vị trí, ranh giới, quy mô và mối quan hệ liên vùng, tỷ lệ 1/100.000 - 1/500.000.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ; sau khi có kết quả thẩm định Chủ đầu tư phải nộp thêm tối thiểu 07 bộ (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm định) để đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

##### 4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định không quá 07 ngày, thời gian phê duyệt không quá 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định nhiệm vụ quy hoạch.

##### 8. Lệ phí (nếu có):

Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch. Trong đó Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch được xác định theo bảng sau:								
<i>Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)</i>	$\leq 20$	50	70	1000	2000	5000	7000	$\geq 10000$
<i>Danh mục công việc</i>	0	0	0					
<i>Lập nhiệm vụ quy hoạch</i>	12,8	9,6	8,0	7,2	5,2	3,6	2,9	2,6
Lưu ý: Trường hợp quy mô của đồ án quy hoạch nằm trong khoảng giữa hai quy mô công bố tại bảng nêu trên thì sử dụng phương pháp nội suy để xác định mức chi phí.								

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Quy hoạch khu dân cư đô thị có quy mô dưới 2ha đối với thị trấn, dưới 3ha đối với thành phố, thị xã; quy hoạch điểm dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và đề án phát triển quỹ đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 20/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 01/2013TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD;
- Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

## 5. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu dân cư đô thị.

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định;

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.

- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.

- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.

- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.

- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.

- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500.

- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;

- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược tỷ lệ 1/500.

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ, 01 bản vẽ thu nhỏ in màu; sau khi có kết quả thẩm định Chủ đầu tư phải nộp thêm tối thiểu 07 bộ (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm định) để đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định đồ án quy hoạch; quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

8. Lệ phí: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng:

Đơn vị tính tỷ lệ %

TT	Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
2	Thẩm định đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	11,2	8,8	7,6	6,8	4,8	3,4	2,8	2,4

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Quy hoạch khu dân cư đô thị có quy mô dưới 3ha đối với thị trấn, dưới 5ha đối với thành phố, thị xã; quy hoạch điểm dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và đề án phát triển quỹ đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định và phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 về hướng dẫn lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.
- Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2008/BXD;
- Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

## 6. Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án.

### 1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Viết phiếu biên nhận đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và hướng dẫn làm lại hồ sơ đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

- Bước 2. Phòng chuyên môn thụ lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bước 3. Nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất dự án, tỷ lệ 1/500;

- Quyết định cho phép khảo sát địa điểm, lập quy hoạch (hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ; sau khi có kết quả thẩm định Chủ đầu tư phải nộp thêm tối thiểu 07 bộ (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm định) để đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất được phê duyệt.

8. Lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các dự án có quy mô dưới 5ha nằm trong khu đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các dự án do cá nhân làm chủ đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có quy mô dưới 5ha, phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và quy hoạch ngành liên quan.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 20/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD;
- Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

